

Số: 263/CT-TCKT

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 7 năm 2024

V/v: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

- Mã chứng khoán: ICN
- Địa chỉ Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại liên hệ: 0254.3838423 Fax: 02543.838422
- Email: Website: idicoconac.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 2 năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/7/2024 tại đường dẫn: idicoconac.vn (Mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Giám đốc Cty;
- Website Cty;
- Lưu VPTH, TCKT.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 2 năm 2024
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo KQHĐKD tổng hợp quý 2 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Vũ Anh Tuấn*

**TỔNG CÔNG TY IDICO**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Địa chỉ: Số 326 Nguyễn An Ninh - Phường 7, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 02543.838423 – Fax: 02543.838422

Mã số thuế: 3500101298

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II NĂM 2024**

*Vũng Tàu, tháng 07 năm 2024*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	6 7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 - 41



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**CÔNG TY**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023 là: 203.999.600.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 20.399.960 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 24/4/2024)
Bà Trần Ngọc Sang	Trưởng Ban (Bầu bổ sung từ ngày 24/4/2024)
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thấu	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Lê Thanh Tùng**  
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>827.792.896.279</b>	<b>865.256.860.428</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>81.007.798.675</b>	<b>124.124.145.438</b>
1. Tiền	111		32.007.798.675	10.124.145.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.000.000.000	114.000.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>244.676.000.000</b>	<b>254.676.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	234.000.000.000	244.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>118.995.866.954</b>	<b>123.506.055.287</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	50.150.840.078	48.039.194.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	30.784.415.234	44.592.672.590
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	39.163.842.844	31.977.418.936
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(1.103.231.202)	(1.103.231.202)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>378.493.781.135</b>	<b>361.048.625.303</b>
1. Hàng tồn kho	141		378.493.781.135	361.048.625.303
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.619.449.515</b>	<b>1.902.034.400</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	946.801.330	28.669.102
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.628.293.116	940.553.348
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	44.355.069	932.811.950
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+203+240+250+260)	<b>200</b>		<b>398.789.765.919</b>	<b>374.891.962.840</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.823.869.978</b>	<b>57.226.257.989</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.669.146.391	5.765.568.188
- Nguyên giá	222		40.681.099.852	40.227.432.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.011.953.461)	(34.461.864.261)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	51.154.723.587	51.460.689.801
- Nguyên giá	228		51.268.597.454	51.571.486.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.873.867)	(110.796.353)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.13</b>	<b>208.933.027.611</b>	<b>219.698.600.132</b>
1. Nguyên giá	231		427.840.674.792	425.109.234.510
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(218.907.647.181)	(205.410.634.378)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.709.504.441</b>	<b>48.783.044.441</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	49.709.504.441	48.783.044.441
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	50.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.323.363.889</b>	<b>29.184.060.278</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	33.323.363.889	29.184.060.278
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.226.582.662.198</b>	<b>1.240.148.823.268</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>903.448.560.285</b>	<b>969.134.113.241</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>281.736.562.730</b>	<b>241.252.477.776</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	13.793.764.893	13.493.926.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	132.040.827.362	80.803.934.936
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	25.919.802.018	15.944.092.443
4. Phải trả người lao động	314		1.406.237.797	3.336.502.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.504.075.157	1.513.451.388
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	9.039.772.022	18.065.266.280
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	1.668.965.532	3.209.038.349
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	89.719.182.740	100.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.21	102.000.000	1.074.782.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.541.935.209	3.811.483.623
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>621.711.997.555</b>	<b>727.881.635.465</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	621.361.997.555	623.859.452.725
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	350.000.000	350.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	103.672.182.740
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>323.134.101.913</b>	<b>271.014.710.027</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>323.134.101.913</b>	<b>271.014.710.027</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		203.999.600.000	203.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		203.999.600.000	203.999.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		290.000	290.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.134.211.913	67.014.820.027
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		35.269.108.441	976.342.788
- LNST chưa phân phối kì này	421b		83.865.103.472	66.038.477.239
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.226.582.662.198</b>	<b>1.240.148.823.268</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Giám đốc



Lê Thanh Tùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			Năm nay	Năm trước	30/6/2024	30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		181.636.368.709	36.281.867.001	229.743.343.411	70.916.180.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		181.636.368.709	36.281.867.001	229.743.343.411	70.916.180.749
4. Giá vốn hàng bán	11		84.190.634.170	28.188.061.975	121.170.592.125	51.931.822.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.445.734.539	8.093.805.026	108.572.751.286	18.984.358.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.506.947.934	7.436.553.091	9.268.152.864	14.532.076.628
7. Chi phí tài chính	22		3.107.984.064	33.761.696	3.291.653.027	385.008.389
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.860.584.064	33.761.696	2.044.253.027	385.008.389
8. Chi phí bán hàng	25		3.626.848.150	-	3.626.848.150	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.938.602.565	3.905.145.910	7.473.474.566	7.640.931.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.279.247.694	11.591.450.511	103.448.928.407	25.490.494.357
11. Thu nhập khác	31		972.782.000	-	972.782.000	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		972.782.000	-	972.782.000	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.252.029.694	11.591.450.511	104.421.710.407	25.490.494.357
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.122.670.792	2.169.440.685	20.556.606.935	4.949.249.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		74.129.358.902	9.422.009.826	83.865.103.472	20.541.244.903
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.634	779	4.111	1.651
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.634	779	4.111	1.651

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Giám đốc



Lê Thanh Tùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán kết	Cho kỳ kế toán kết
		thức ngày 30/6/2024	thức ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	104.421.710.407	25.490.494.357
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	14.050.179.517	5.918.218.068
- Các khoản dự phòng	03	(972.782.000)	1.074.782.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(85.538.269)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.182.614.595)	(14.532.076.628)
- Chi phí lãi vay	06	2.044.253.027	385.008.389
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	110.275.208.087	18.336.426.186
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	438.573.307	1.219.416.800
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.445.155.832)	(24.905.794.873)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	45.333.280.938	5.489.910.580
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.057.435.839)	(14.350.817.413)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.020.689.680)	(385.008.389)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.853.873.344)	(20.828.714.940)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.415.320.000)	(2.070.434.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>111.254.587.637</b>	<b>(37.495.016.049)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.380.127.403)	(1.871.543.820)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	145.625.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.454.946.734	16.877.532.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(9.925.180.669)</b>	<b>160.630.988.711</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	45.899.512.356	38.568.168.970
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(159.852.512.356)	(33.175.138.266)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.578.292.000)	(161.522.557.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(144.531.292.000)</b>	<b>(156.129.526.796)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(43.201.885.032)</b>	<b>(32.993.554.134)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>124.124.145.438</b>	<b>84.313.121.122</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	85.538.269	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>81.007.798.675</b>	<b>51.319.566.988</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023 là: 203.999.600.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 20.399.960 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động Công ty tại ngày 30/6/2024 là: 96 người (tại ngày 31/12/2023 là: 96 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch và kinh doanh bất động sản.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, buro chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.....;

Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đường bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;

Hoạt động chính trong kỳ: Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch và kinh doanh bất động sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Công ty**

**Đơn vị trực thuộc:** Tại ngày 30/6/2024, Công ty có 04 đơn vị trực thuộc sau:

<b>STT</b>	<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ, mã số chi nhánh</b>
1	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hồ Chí Minh	10 L đường số 1, khu dân cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-017
2	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO – CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298-018
3	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hà Nội	Căn hộ số 19 Tầng 15 Tòa C2 Khu Căn hộ D'. Capitale thuộc Khu Đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-019
4	Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO- Xí nghiệp xây dựng Miền Tây IDICO CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298-020

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kỳ này của Công ty được lập cho kỳ kế toán 4 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/6.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

#### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

##### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

###### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian khấu hao còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất còn lại.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

- Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

- Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian cho thuê đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là các đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Hàng kỳ Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, Doanh thu kinh doanh Khu công nghiệp, Doanh thu kinh doanh bất động sản và Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

***Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp(Tiếp theo)***

(d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại hoặc chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, xây lắp, bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.300.032.935	711.095.120
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.707.765.740	9.413.050.318
Các khoản tương đương tiền (i)	49.000.000.000	114.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>81.007.798.675</b>	<b>124.124.145.438</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 03 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng từng thời điểm.

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	<b>30/6/2024</b>			<b>01/01/2024 (VND)</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý (i)</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	10.676.000.000	16.814.700.000	-	10.676.000.000	17.562.020.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>16.814.700.000</b>	<b>-</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>17.562.020.000</b>	<b>-</b>

*Trong đó: Đầu tư tài chính ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)*

	<b>10.676.000.000</b>	<b>10.676.000.000</b>
--	-----------------------	-----------------------

(i) Giá trị hợp lý cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO được xác định căn cứ vào giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 28/6/2024 theo giá đóng cửa là 15.750 đồng x 1.067.600 Cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>234.000.000.000</b>	<b>234.000.000.000</b>	<b>244.000.000.000</b>	<b>244.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	194.000.000.000	194.000.000.000	204.000.000.000	204.000.000.000
Công ty Cổ phần IDTT (ii)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa (iii)	50.000.000.000	50.000.000.000		
<b>Tổng</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>264.000.000.000</b>
<b>Trong đó: Đầu tư tài chính là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 13 tháng của Công ty tại các Ngân hàng thương mại và hường tiền lãi theo lãi suất áp dụng từng thời điểm. Tại ngày 30/6/2024, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 80.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(ii) Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đầu tư mua trái phiếu do Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) phát hành như sau:

- Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Nguồn vốn, giá trị đầu tư: Sử dụng một phần tiền nhàn rỗi đang gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, tối đa không vượt quá 300 tỷ VND để đầu tư; Kỳ hạn trái phiếu: Tối đa 2 năm; Lãi suất trái phiếu: 10%/năm; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm.

- Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng Quản trị gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDTCH2123001; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ ngày phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Hợp đồng số 40/2021/ĐMTP/IDTCH2123001 ngày 10/6/2021 về việc đặt mua trái phiếu giữa Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO.

- Giấy Chứng nhận sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) đợt phát hành ngày 10/6/2021.

- Phiếu lấy ý kiến Trái chủ ngày 16/2/2023 của Công ty cổ phần IDTT (IDTT) về việc thực hiện mua lại trước hạn 60% giá trị trái phiếu đã phát hành, tương đương 60 tỷ VND. Văn bản số 17/CT-TCKT ngày 17/02/2023 của Ban giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO gửi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO về việc IDTT mua lại trước hạn Trái phiếu mã IDTCH2123001. Theo văn bản số 02/CT-HĐQT ngày 21/2/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã chấp thuận đề nghị của Công ty cổ phần IDTT mua lại trước hạn trái phiếu mã IDTCH2123001 với giá trị là 60 tỷ VND.

- Văn bản số 28/CT-TCKT ngày 15/3/2023 của Ban giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO gửi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO về việc bổ sung, thay đổi một số điều kiện, điều khoản và các nội dung liên quan đến việc kéo dài kỳ hạn Trái phiếu IDTCH2123001. Theo văn bản số 05/CT-HĐQT ngày 21/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã chấp thuận bổ sung, thay đổi một số điều kiện, điều khoản và các nội dung liên quan đến việc kéo dài kỳ hạn Trái phiếu IDTCH2123001 như sau:

+ Số lượng Trái phiếu còn lại sau khi mua lại trước hạn là 400.000 trái phiếu

+ Giá trị theo mệnh giá là 40 tỷ VND

+ Ngày đáo hạn là ngày 10/12/2024

+ Lãi suất trái phiếu: 12,50%/năm

+ Tài sản đảm bảo 821.280 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Đến ngày 31/5/2023 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã nhận đủ tiền gốc và lãi mua lại trái phiếu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

(iii) Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đầu tư mua trái phiếu do Công ty cổ phần kiểm định xây dựng An Hòa phát hành như sau:

- Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 24/6/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO về việc mua trái phiếu Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa như sau: Mã trái phiếu: AHCCCH2426001; Tổng giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng); Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng; Lãi suất và kỳ thanh toán lãi: Lãi suất cố định 11%/năm trong suốt thời hạn Trái Phiếu, Lãi được thanh toán định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày phát hành; Loại hình Trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản, phát hành tại thị trường trong nước. Tài sản bảo đảm: 1.650.000 cổ phần phổ thông Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đăng ký giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX), mã chứng khoán ICN. Tổng giá trị TSDB trong suốt thời hạn Trái Phiếu tối thiểu bằng 120% tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu lưu hành; Mua lại trước hạn trái phiếu: Ngày tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành: Giá trị mua lại lũy kế từ 20% tới tối đa 30% tổng giá trị Trái phiếu. Ngày tròn 18 tháng kể từ Ngày Phát Hành: Giá trị mua lại lũy kế từ 40% tới tối đa 60% tổng giá trị Trái phiếu.

- Hợp đồng đặt mua Trái phiếu số 01/AHCCCH2426001/ICN-AHCV ngày 27/6/2024 giữa Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và Công ty cổ phần kiểm định xây dựng An Hòa.

**5.4 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần IDTT	17.913.411.881	17.814.505.881
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	3.753.144.006	1.421.305.684
Công ty TNHH may Thiên Kim	-	223.332.497
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	10.730.984.463	10.450.936.447
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Quận 12	-	1.486.362.900
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thành phố Thủ Đức	3.793.258.978	7.603.083.833
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	6.194.623.263	6.194.623.263
Các đối tượng còn lại	7.765.417.487	2.845.044.458
<b>Tổng</b>	<b>50.150.840.078</b>	<b>48.039.194.963</b>
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<b>21.666.555.887</b>	<b>19.235.811.565</b>

**5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	24.209.068.648	33.058.878.784
Công ty cổ phần IDTT	5.360.780.687	9.049.714.946
Các đối tượng còn lại	1.214.565.899	2.484.078.860
<b>Tổng</b>	<b>30.784.415.234</b>	<b>44.592.672.590</b>
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<b>29.569.849.335</b>	<b>42.108.593.730</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác****Phải thu khác**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Lãi dự thu các ngân hàng, lãi cho vay và đầu tư trái phiếu	7.831.526.184	-	10.103.858.323	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	351.131.628	-	232.290.000	-
Tạm ứng	24.310.070.750	-	17.853.417.536	-
Phải thu khác	6.671.114.282	(176.053.897)	3.787.853.077	(176.053.897)
<b>Tổng</b>	<b>39.163.842.844</b>	<b>(176.053.897)</b>	<b>31.977.418.936</b>	<b>(176.053.897)</b>

*Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)*

6.686.911.345

3.506.370.658

**5.7 Nợ xấu**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	102.384.934	-	102.384.934	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	129.407.703	-	129.407.703	-
Các đối tượng còn lại	871.438.565	-	871.438.565	-
<b>Tổng</b>	<b>1.103.231.202</b>	<b>-</b>	<b>1.103.231.202</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>	<b>Dưới 6 tháng</b>	<b>Từ 1-2 năm</b>	<b>Từ 2-3 năm</b>	<b>Trên 3 năm</b>
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	-	-	-	102.384.934
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	-	-	-	129.407.703
Các đối tượng còn lại	-	-	-	871.438.565
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.103.231.202</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>A. Ngắn hạn</b>	<b>378.493.781.135</b>	-	<b>361.048.625.303</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.891.016	-	23.470.459	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	361.258.864.016	-	343.803.028.061	-
Hàng hóa	17.221.026.103	-	17.222.126.783	-
<b>B. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>378.493.781.135</b>	-	<b>361.048.625.303</b>	-

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>(i) Chi tiết số dư một số công trình lớn</b>				
Nâng cấp mở rộng đường Lã Xuân Oai	4.529.630.366	-	4.475.295.916	-
Công trình đường ĐT818 đoạn từ QL1-QLN2	11.608.899.554	-	1.555.538.933	-
Cầu Tân Bửu, huyện Bến Lức	10.857.049.971	-	3.226.519.717	-
Đường Nguyễn Ảnh Thủ	5.363.410.874	-	1.840.727.455	-
Dự án Khu đô thị Bắc Châu Giang (ii)	314.616.492.407	-	326.290.100.001	-
Các công trình còn lại	14.283.380.844	-	6.414.846.039	-
<b>Tổng</b>	<b>361.258.864.016</b>	-	<b>343.803.028.061</b>	-

(ii) Đây là Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý; Địa điểm xây dựng tại phường Lam Hạ, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam. Chủ đầu tư dự án là Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và Công ty cổ phần Kiểm định An Hòa, đại diện Liên danh là Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO. Dự án đang tiếp tục đầu tư, xây dựng và kinh doanh trong tương lai. Dự án này đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại mục (ii) tại thuyết minh số 5.17.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.9 Chi phí trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>946.801.330</b>	<b>28.669.102</b>
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	33.725.148	28.669.102
<b>b) Dài hạn</b>	<b>33.323.363.889</b>	<b>29.184.060.278</b>
Công cụ dụng cụ	252.107.151	272.324.886
Chi phí sửa chữa	341.893.066	458.329.756
Tiền thuê đất KCN Mỹ Xuân B1	30.255.483.335	25.684.251.190
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.473.880.337	2.769.154.446
<b>Tổng</b>	<b>34.270.165.219</b>	<b>29.212.729.380</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cán trừ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>15.944.092.443</b>	<b>56.096.239.656</b>	<b>(31.335.514.990)</b>	<b>(14.785.015.091)</b>	<b>25.919.802.018</b>
Thuế GTGT	1.943.483.610	27.636.054.012	(9.335.471.088)	(13.896.558.210)	6.347.508.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.853.873.344	20.556.606.935	(12.853.873.344)	-	19.556.606.935
Thuế thu nhập cá nhân	392.165.788	467.804.715	(844.283.744)	-	15.686.759
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.733.362.319	7.389.713.705	(8.234.619.143)	(888.456.881)	-
Các loại thuế khác	21.207.382	46.060.289	(67.267.671)	-	-
<b>Phải thu</b>	<b>932.811.950</b>	-	-	<b>(888.456.881)</b>	<b>44.355.069</b>
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	888.456.881	-	-	(888.456.881)	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.355.069	-	-	-	44.355.069



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2024	30.735.197.885	3.013.409.402	4.808.437.005	275.983.547	1.394.404.610	40.227.432.449
Tăng trong kỳ	453.667.403	-	-	-	-	453.667.403
Mua trong năm	453.667.403	-	-	-	-	453.667.403
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<b>31.188.865.288</b>	<b>3.013.409.402</b>	<b>4.808.437.005</b>	<b>275.983.547</b>	<b>1.394.404.610</b>	<b>40.681.099.852</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2024	27.067.818.990	2.651.858.166	3.211.240.477	244.479.520	1.286.467.108	34.461.864.261
Tăng trong kỳ	148.849.598	47.950.218	304.632.582	29.031.804	19.624.998	550.089.200
Khấu hao trong kỳ	148.849.598	47.950.218	304.632.582	29.031.804	19.624.998	550.089.200
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<b>27.216.668.588</b>	<b>2.699.808.384</b>	<b>3.515.873.059</b>	<b>273.511.324</b>	<b>1.306.092.106</b>	<b>35.011.953.461</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2024	3.667.378.895	361.551.236	1.597.196.528	31.504.027	107.937.502	5.765.568.188
Tại ngày 30/6/2024	<b>3.972.196.700</b>	<b>313.601.018</b>	<b>1.292.563.946</b>	<b>2.472.223</b>	<b>88.312.504</b>	<b>5.669.146.391</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2024: 1.516.718 VND (tại ngày 31/12/2023 là 2.672.395 VND).

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 29.399.480.316 VND (tại ngày 31/12/2023 là 29.243.851.316 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2024	51.344.488.700	226.997.454	51.571.486.154
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	(302.888.700)	-	(302.888.700)
Do phân loại về bất động sản	(302.888.700)	-	(302.888.700)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>51.041.600.000</b>	<b>226.997.454</b>	<b>51.268.597.454</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	110.796.353	110.796.353
Tăng trong kỳ	-	3.077.514	3.077.514
Khấu hao trong kỳ	-	3.077.514	3.077.514
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>-</b>	<b>113.873.867</b>	<b>113.873.867</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2024	51.344.488.700	116.201.101	51.460.689.801
Tại ngày 30/6/2024	51.041.600.000	113.123.587	51.154.723.587

**5.13 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	425.109.234.510	2.731.440.282	-	427.840.674.792
Quyền sử dụng đất	266.263.521.288	302.888.700	-	266.566.409.988
Nhà cửa vật kiến trúc	158.845.713.222	2.428.551.582	-	161.274.264.804
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>205.410.634.378</b>	<b>13.497.012.803</b>	<b>-</b>	<b>218.907.647.181</b>
Quyền sử dụng đất	120.124.730.421	5.948.375.219	-	126.073.105.640
Nhà cửa vật kiến trúc	85.285.903.957	7.548.637.584	-	92.834.541.541
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>219.698.600.132</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>208.933.027.611</b>
Quyền sử dụng đất	146.138.790.867	-	-	140.493.304.348
Nhà cửa vật kiến trúc	73.559.809.265	-	-	68.439.723.263

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2.

**5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.507.179.505	17.507.179.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	27.965.575.051	27.039.115.051
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	829.193.366	829.193.366
Dự án Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 6.500m3/ngày đêm	484.544.818	484.544.818
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	2.923.011.701	2.923.011.701
<b>Tổng</b>	<b>49.709.504.441</b>	<b>48.783.044.441</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty cổ phần Thép Nhân Luật Miền Nam	2.220.044.475	2.220.044.475	452.909.633	452.909.633
Công ty TNHH MTV Nhi Nhiên	-	-	243.758.650	243.758.650
Công ty TNHH cấp nước Tóc Tiên	1.094.539.760	1.094.539.760	440.133.750	440.133.750
Công ty TNHH DV xây dựng Minh Anh Phát	-	-	752.851.044	752.851.044
Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Công ty TNHH xây dựng và thương mại Duy Minh	1.439.953.060	1.439.953.060	765.567.026	765.567.026
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	2.591.463.616	2.591.463.616	2.223.591.924	2.223.591.924
Các đối tượng còn lại	4.673.997.650	4.673.997.650	6.841.347.817	6.841.347.817
<b>Tổng</b>	<b>13.793.764.893</b>	<b>13.793.764.893</b>	<b>13.493.926.176</b>	<b>13.493.926.176</b>
<i>Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>2.591.463.616</i>	<i>2.591.463.616</i>	<i>2.223.591.924</i>	<i>2.223.591.924</i>

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	23.258.999.600	14.690.396.600
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tp.Thủ Đức	5.483.408.106	5.483.408.106
Ban QLDA công trình giao thông	14.811.808.000	10.804.799.000
Ban quản lý Đầu tư xây dựng đường vành đai 3 Tp.HCM đoạn qua tỉnh Long An	23.083.096.000	37.711.508.000
Công ty TNHH Thiện Chí Sái Gòn	11.982.350.000	-
Các đối tượng còn lại	53.421.165.656	12.113.823.230
<b>Tổng</b>	<b>132.040.827.362</b>	<b>80.803.934.936</b>
<b>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)</b>	<b>1.763.633.802</b>	<b>1.763.633.802</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn và dài hạn**

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
		năng trả nợ				năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>14.047.000.000</b>	<b>14.047.000.000</b>	<b>45.899.512.356</b>	<b>31.852.512.356</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	14.047.000.000	14.047.000.000	45.899.512.356	31.852.512.356	-	-
<b>b) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>75.672.182.740</b>	<b>75.672.182.740</b>	<b>103.672.182.740</b>	<b>128.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	75.672.182.740	75.672.182.740	103.672.182.740	128.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>c) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>103.672.182.740</b>	<b>103.672.182.740</b>	<b>103.672.182.740</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	-	-	-	103.672.182.740	103.672.182.740	103.672.182.740
<b>Tổng</b>	<b>89.719.182.740</b>	<b>89.719.182.740</b>	<b>149.571.695.096</b>	<b>263.524.695.096</b>	<b>203.672.182.740</b>	<b>203.672.182.740</b>

Đơn vị tính: VND

**(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu**

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/6002666/HĐTD ngày 11/08/2023, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND trong đó Hạn mức vay ngắn hạn: 50.000.000.000 VND; Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 VND; Hạn mức bảo lãnh thông thường: 200.000.000.000 VND.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh.
Thời hạn vay	12 tháng từ ngày kí hợp đồng đến 11/08/2023.
Lãi suất vay	Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. - Thẻ chấp 03 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV giá trị lần lượt là 50.000.000.000 VND, 20.000.000.000 VND, 10.000.000.000 VND. - Thẻ chấp quyền sử dụng đất tại Khách sạn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trị giá 8.751.360.000 VND.
Hình thức đảm bảo tiền vay	
Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2024	25.766.000.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.17 Vay ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

**(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu**

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng số 01/2021/600266/HĐTĐ-DA ngày 25/02/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2022/600266/HĐTĐ-DA/PL. Hạn mức tín dụng 210.000.000.000 VND.
Mục đích vay	Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (Giai đoạn 1)
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất vay	Được áp dụng trong từng Giấy nhận nợ cụ thể.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp cho bên Cho vay quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là Dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (giai đoạn 1) và các quyền phát sinh từ dự án.
Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2024	75.672.182.740 VND.

**5.18 Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	819.197.836	-
Công trình cầu Long Đại	-	1.513.451.388
Chi phí khác	3.684.877.321	-
<b>Tổng</b>	<b>4.504.075.157</b>	<b>1.513.451.388</b>

**5.19 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.668.965.532</b>	<b>3.209.038.349</b>
Kinh phí công đoàn	104.503.168	65.762.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.289.673.564	1.268.025.564
Các khoản phải trả khác	188.788.800	1.789.249.905
<b>b) Dài hạn</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	350.000.000	350.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.018.965.532</b>	<b>3.559.038.349</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.20 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.039.772.022</b>	<b>18.065.266.280</b>
Công ty TNHH công nghiệp nặng VINA - HALLA	1.180.334.878	2.360.669.756
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	5.594.381.970	11.188.763.940
Các đối tượng khác	2.265.055.174	4.515.832.584
<b>b) Dài hạn</b>	<b>621.361.997.555</b>	<b>623.859.452.725</b>
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	416.290.857.635	421.885.239.605
Các đối tượng khác	205.071.139.920	201.974.213.120
<b>Tổng</b>	<b>630.401.769.577</b>	<b>641.924.719.005</b>

**5.21 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	102.000.000	1.074.782.000
<b>Tổng</b>	<b>102.000.000</b>	<b>1.074.782.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.22 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>119.999.850.000</b>	<b>290.000</b>	<b>217.513.914.378</b>	<b>337.514.054.378</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>83.999.750.000</b>	-	<b>66.038.477.239</b>	<b>150.038.227.239</b>
Lãi trong năm trước	-	-	66.038.477.239	66.038.477.239
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	83.999.750.000	-	-	83.999.750.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>(216.537.571.590)</b>	<b>(216.537.571.590)</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(83.999.750.000)	(83.999.750.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(1.738.014.090)	(1.738.014.090)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền - đợt 3	-	-	(53.999.932.500)	(53.999.932.500)
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền - đợt 4	-	-	(35.999.955.000)	(35.999.955.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền - đợt 1	-	-	(40.799.920.000)	(40.799.920.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>203.999.600.000</b>	<b>290.000</b>	<b>67.014.820.027</b>	<b>271.014.710.027</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>203.999.600.000</b>	<b>290.000</b>	<b>67.014.820.027</b>	<b>271.014.710.027</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>83.865.103.472</b>	<b>83.865.103.472</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	83.865.103.472	83.865.103.472
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>(31.745.711.586)</b>	<b>(31.745.711.586)</b>
Trích quỹ thưởng ban điều hành (i)	-	-	(1.145.771.586)	(1.145.771.586)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền - đợt 2 (ii)	-	-	(30.599.940.000)	(30.599.940.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>203.999.600.000</b>	<b>290.000</b>	<b>119.134.211.913</b>	<b>323.134.101.913</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tỷ lệ	Tại ngày 30/6/2024			Tại ngày 01/01/2024		
		Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	
Tổng công ty IDICO - CTCP	51,00%	10.404.000	104.040.000.000	51,00%	10.404.000	104.040.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat Việt Nam	22,77%	4.644.264	46.442.640.000	22,77%	4.644.264	46.442.640.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	16,00%	3.264.000	32.640.000.000	16,00%	3.264.000	32.640.000.000	
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	10,23%	2.087.696	20.876.960.000	10,23%	2.087.696	20.876.960.000	
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>20.399.960</b>	<b>203.999.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.399.960</b>	<b>203.999.600.000</b>	

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	203.999.600.000	119.999.850.000
Vốn góp tại ngày 30 tháng 4	203.999.600.000	119.999.850.000
Cổ tức đã chia, lợi nhuận đã chia	30.599.940.000	53.999.932.500

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.399.960	20.399.960
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.399.960	20.399.960
Cổ phiếu phổ thông	20.399.960	20.399.960
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.399.960	20.399.960
Cổ phiếu phổ thông	20.399.960	20.399.960
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

*Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)* **4.247.885.710** **4.481.477.261**

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	2.044.253.027	385.008.389
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.247.400.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.291.653.027</b>	<b>385.008.389</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	239.477.272	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.551.792	-
Chi phí bằng tiền khác	616.073.632	-
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	2.659.745.454	-
<b>Cộng</b>	<b>3.626.848.150</b>	-

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.690.636.696	5.165.454.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.784.064	114.062.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	512.541.500	796.487.764
Thuế phí và lệ phí	42.683.603	114.465.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.172.706	548.774.490
Chi phí bằng tiền khác	1.096.655.997	901.687.562
<b>Tổng</b>	<b>7.473.474.566</b>	<b>7.640.931.900</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.932.567.844	24.058.186.633
Chi phí nhân công	9.757.360.126	8.748.937.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.050.179.517	5.918.218.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.192.111.345	45.896.431.119
Chi phí khác bằng tiền	11.290.089.534	26.991.203.732
<b>Tổng</b>	<b>147.222.308.366</b>	<b>111.612.976.675</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.421.710.407	25.490.494.357
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>155.022.536</i>	<i>109.832.914</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.793.698.269</i>	<i>854.080.000</i>
Thu nhập chịu thuế	102.783.034.674	24.746.247.271
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>20.556.606.935</b>	<b>4.949.249.454</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.865.103.472	20.541.244.903
Trích quỹ thưởng ban điều hành (a)	-	(572.885.793)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	83.865.103.472	19.968.359.110
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.399.960	12.092.802
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.111</b>	<b>1.651</b>

(a) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ thưởng ban điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ thưởng ban điều hành cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin các hợp đồng ghi nhận doanh thu trên tổng số tiền nhận trước**

Đối với các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu một lần thì ước tính chênh lệch về doanh thu và lợi nhuận nếu ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc suy giảm doanh thu, lợi nhuận của các kỳ trong tương lai như sau:

		<b>Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1</b>
<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	
<b>A.</b>	<b>Lũy kế các năm trước</b>	
<b>A1.</b>	<b>Doanh thu hạch toán một lần</b>	
	Doanh thu	519.930.016.895
	Giá vốn	92.014.182.336
	Lợi nhuận gộp	427.915.834.559
<b>A2.</b>	<b>Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	12.942.462.519
	Giá vốn	5.417.686.875
	Lợi nhuận gộp	7.524.775.644
<b>A3.</b>	<b>Chênh lệch giữa hạch toán một lần và phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	506.987.554.376
	Giá vốn	86.596.495.461
	Lợi nhuận gộp	420.391.058.915
<b>B.</b>	<b>Kỳ này</b>	
<b>B1.</b>	<b>Doanh thu hạch toán một lần</b>	
	Doanh thu	50.526.011.013
	Giá vốn	3.839.929.057
	Lợi nhuận gộp	46.686.081.956
<b>B2.</b>	<b>Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	1.310.731.629
	Giá vốn	419.973.059
	Lợi nhuận gộp	890.758.570
<b>B3.</b>	<b>Chênh lệch giữa hạch toán một lần và phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	49.215.279.384
	Giá vốn	3.419.955.998
	Lợi nhuận gộp	45.795.323.386
<b>C.</b>	<b>Lũy kế đến kỳ lập Báo cáo</b>	
<b>C1.</b>	<b>Doanh thu hạch toán một lần</b>	
	Doanh thu	570.456.027.908
	Giá vốn	95.854.111.393
	Lợi nhuận gộp	474.601.916.515
<b>C2.</b>	<b>Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	14.253.194.148
	Giá vốn	5.837.659.934
	Lợi nhuận gộp	8.415.534.214
<b>C3.</b>	<b>Chênh lệch giữa hạch toán một lần và phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng</b>	
	Doanh thu	556.202.833.760
	Giá vốn	90.016.451.459
	Lợi nhuận gộp	466.186.382.301



Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.2 Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

**7.3 Thông tin bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan:**

<b>Stt Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tên viết tắt</b>
1 Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
3 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
4 Công ty cổ phần IDTT	Cùng chịu sự kiểm soát của Chủ tịch	IDTT
5 Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	Cùng chịu sự kiểm soát của Chủ tịch và Tổng Giám đốc	AHCV
6 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat Việt Nam	Cổ đông lớn	HAYAT
7 Công ty TNHH Lesco Resort		
8 Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	Cổ đông lớn	
9 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể	

**b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**b1) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	254.000.000	251.500.000
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	74.000.000	24.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT	74.000.000	430.086.218
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	79.000.000	89.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	74.000.000	24.000.000
<b>Tổng</b>		<b>555.000.000</b>	<b>818.586.218</b>

**b2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
Ông Nguyễn Đức Tiến	Nguyên Trưởng BKS	64.000.000	89.000.000
Bà Trần Ngọc Sang	Trưởng BKS	10.000.000	-
Ông Trần Quang Duy	Nguyên Thành viên BKS	-	38.500.000
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên BKS	42.000.000	47.500.000
Ông Nguyễn Văn Thấu	Thành viên BKS	42.000.000	62.290.218
<b>Tổng</b>		<b>158.000.000</b>	<b>237.290.218</b>



Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,  
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**b3) Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>
		<b>thức ngày 30/6/2024</b>	<b>thức ngày 30/6/2023</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	370.472.872	441.915.164
Ông Trần Thanh Kiều	Nguyên Phó Giám đốc	-	167.863.637
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT, Người phụ trách quản trị	365.495.527	481.509.236
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Giám đốc	370.861.257	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	293.645.546	333.000.000
<b>Tổng</b>		<b>1.400.475.203</b>	<b>1.424.288.037</b>

**c) Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>
		<b>thức ngày 30/6/2024</b>	<b>thức ngày 30/6/2023</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch mua</b>		<b>75.219.675.613</b>	<b>18.116.220.251</b>
AHCV	Giá trị xây lắp, vật tư	50.763.974.757	18.116.220.251
IDTT	Mua vật tư	24.455.700.856	-
<b>Giao dịch bán</b>		<b>3.152.929.070</b>	<b>4.912.713.273</b>
HAYAT	Cung cấp dịch vụ	-	20.394.545
AHCV	Bán vật tư và cung cấp dịch vụ	3.050.733.697	212.024.541
IDTT	Giá trị xây lắp, dịch vụ	102.195.373	4.680.294.187
<b>Chia cổ tức</b>		<b>27.563.001.000</b>	<b>81.067.650.000</b>
IDICO	Cổ tức năm trước	15.606.000.000	45.900.000.000
AHCV	Cổ tức năm trước	51.255.000	150.750.000
HAYAT	Cổ tức năm trước	6.966.396.000	20.489.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	Cổ tức năm trước	4.896.000.000	14.400.000.000
Công ty TNHH Lesco Resort	Cổ tức năm trước	43.350.000	127.500.000
		-	-
<b>Các khoản đầu tư</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
IDTT	Nhận lại trái phiếu trước hạn	-	60.000.000.000
AHCV	Mua Trái phiếu	50.000.000.000	
<b>Cổ tức, trái phiếu được nhận</b>		<b>4.247.885.710</b>	<b>4.481.477.261</b>
IDTT	Lãi trái phiếu	2.479.451.737	3.627.397.261
AHCV	Lãi trái phiếu	60.273.973	
IDICO - IDI	Cổ tức	1.708.160.000	854.080.000
<b>Giao dịch khác</b>		<b>1.584.294.247</b>	<b>217.656.271</b>
AHCV	Các khoản khác	1.540.794.247	174.156.271



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)**

**d) Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>21.666.555.887</b>	<b>19.235.811.565</b>
AHCV	3.753.144.006	1.421.305.684
IDTT	17.913.411.881	17.814.505.881
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>29.569.849.335</b>	<b>42.108.593.730</b>
AHCV	24.209.068.648	33.058.878.784
IDTT	5.360.780.687	9.049.714.946
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>6.686.911.345</b>	<b>3.506.370.658</b>
IDTT	6.412.938.545	301.369.863
AHCV	273.972.800	3.205.000.795
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>2.591.463.616</b>	<b>2.223.591.924</b>
AHCV	2.591.463.616	2.223.591.924
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.763.633.802</b>	<b>1.763.633.802</b>
IDTT	1.763.633.802	1.763.633.802
<b>Phải thu đầu tư</b>	<b>100.676.000.000</b>	<b>50.676.000.000</b>
IDTT	40.000.000.000	40.000.000.000
IDICO - IDI	10.676.000.000	10.676.000.000
AHCV	50.000.000.000	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.4 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, Bất động sản, Xây lắp và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

**a) Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
Doanh thu	36.913.899.793	32.305.695.972	-	1.696.584.984	70.916.180.749
Giá vốn hàng bán	(35.004.515.242)	(13.467.985.157)	-	(3.459.322.332)	(51.931.822.731)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(7.640.931.900)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	14.532.076.628
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(385.008.389)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	25.490.494.357
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	25.490.494.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(4.949.249.454)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>20.541.244.903</b>

**b) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023**

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	-	119.001.238	107.937.502	56.999.319.249	57.226.257.989
Bất động sản đầu tư	-	219.698.600.132	-	-	219.698.600.132
Xây dựng cơ bản dở dang	-	30.446.671.570	-	18.336.372.871	48.783.044.441
Các khoản phải thu	89.447.922.802	703.766.782	-	33.354.365.703	123.506.055.287
Hàng tồn kho	17.512.928.060	17.217.709.000	326.290.100.001	27.888.242	361.048.625.303
Tài sản không thể phân bổ					429.886.240.116
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.240.148.823.268</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	84.149.468.279	643.034.081.502	11.883.802.945	26.394.577.775	765.461.930.501
Phải trả tiền vay	-	-	203.672.182.740	-	203.672.182.740
Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>969.134.113.241</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.4 Báo cáo bộ phận(Tiếp theo)**

**c) Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>					
Doanh thu	69.829.617.537	85.074.906.622	73.179.824.883	1.658.994.369	229.743.343.411
Giá vốn hàng bán	(67.307.592.872)	(22.317.122.471)	(28.067.944.304)	(3.477.932.478)	(121.170.592.125)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(3.626.848.150)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(7.473.474.566)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	9.268.152.864
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(3.291.653.027)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	103.448.928.407
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	972.782.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	104.421.710.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(20.556.606.935)

**d) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2024**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2024

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	-	98.001.022	88.312.504	56.637.556.452	56.823.869.978
Bất động sản đầu tư	-	208.630.138.911		302.888.700	208.933.027.611
Xây dựng cơ bản dở dang	-	31.373.131.570		18.336.372.871	49.709.504.441
Các khoản phải thu	74.417.426.199	986.760.865	3.109.791.000	40.481.888.890	118.995.866.954
Hàng tồn kho	46.645.688.712	17.217.709.000	314.616.492.407	13.891.016	378.493.781.135
Tài sản không thể phân bổ					413.626.612.079
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.226.582.662.198</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	80.159.879.789	643.748.176.084	50.452.040.262	39.369.281.410	813.729.377.545
Phải trả tiền vay	14.047.000.000		75.672.182.740		89.719.182.740
Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>903.448.560.285</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Giám đốc



Lê Thanh Tùng

